

NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ RAU AN TOÀN LÀO CAI

Ngô Thu Hằng¹, Nguyễn Thị Sáu¹, Nguyễn Thị Tần Lộc¹

TÓM TẮT

Kết quả thực hiện dự án “Xây dựng hệ thống sản xuất - kinh doanh rau bền vững và hiệu quả tại khu vực Tây Bắc Việt Nam” do Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR) tài trợ từ 2012 đến nay đã khẳng định tiềm năng và khả năng sản xuất rau an toàn (RAT) nói chung, rau bản địa nói riêng của tỉnh Lào Cai. Tiềm năng và khả năng sản xuất rau Lào Cai đã được thể hiện bằng các kết quả và sự cải thiện đời sống của người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng. Các kết quả đánh giá hoạt động sản xuất và tiêu thụ được thể hiện qua thông tin của các cuộc phỏng vấn sâu, tổ chức họp nhóm với các tác nhân. Mức độ đầu tư cho việc sản xuất - kinh doanh RAT Lào Cai ngày một gia tăng với trang thiết bị, phương tiện hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng rau tốt nhất khi đến tay người tiêu dùng. Là tác nhân cuối cùng nhưng có vai trò quan trọng quyết định sự phát triển của sản phẩm, người tiêu dùng rau Lào Cai đang được hưởng đến lợi ích tối đa khi có được sản phẩm an toàn, chất lượng với sự hài lòng ngày càng cao.

Từ khóa: Rau Lào Cai, cải thiện, người sản xuất, người kinh doanh, người tiêu dùng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lào Cai là một tỉnh miền núi vùng cao biên giới với 25 dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 64,8% dân số và họ cũng chiếm khoảng 80% số hộ nghèo trong toàn tỉnh (Lý Văn Hải, 2011). Vì vậy, vấn đề nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số luôn được ưu tiên.

Với đặc điểm về khí hậu, đất và nước, Lào Cai rất phù hợp với việc sản xuất rau chất lượng cao (RAT và rau hữu cơ), đặc biệt vào thời điểm trái vụ. Hiện nay, rau được sản xuất tại đây rất đa dạng về chủng loại, bao gồm rau phổ thông và rau bản địa, độ ngon và giá trị dinh dưỡng của chúng luôn được đánh giá cao. Tuy nhiên, do còn nhiều hạn chế trong khâu sản xuất, tiêu thụ và khoảng cách về mặt địa lý nên rau Lào Cai chưa được biết đến rộng rãi tại các thành phố lớn - nơi mà nhu cầu về RAT và rau đặc sản là khá cao (Minh Hàn Đạt, 2016).

Từ những thực tế nêu trên cùng với mục tiêu phát triển sinh kế bền vững, một loạt các hoạt động can thiệp phát triển thị trường đã được thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định. Điều này được thể hiện rõ qua quá trình thay đổi tập quán, phát triển sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng RAT Lào Cai với sự tham gia của các tác nhân bao gồm người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng. So sánh những biến đổi từ năm 2012 đến nay thấy rõ được cuộc sống của họ đã có những thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tích cực cả về nhận thức và thu nhập.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình triển khai các hoạt động và đánh giá kết quả được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn sâu đối với các tác nhân tham gia trong chuỗi sản xuất - kinh doanh - tiêu dùng rau Lào Cai (người sản xuất, người kinh doanh, người tiêu dùng) và thu thập ý kiến đánh giá thông qua việc tổ chức các cuộc họp nhóm (với từng nhóm tác nhân và giữa các nhóm tác nhân trong chuỗi).

2.1. Phỏng vấn sâu

- Ban quản lý các tổ/ nhóm/ HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại huyện Sa Pa (HTX Thành Công, nhóm nông dân sản xuất và tiêu thụ RAT Má Tra) và tại huyện Bắc Hà (HTX Di Thành, HTX Na Lang, nhóm nông dân sản xuất và tiêu thụ RAT Na Khèo, công ty TNHH Anh Nguyên).

- Đại diện các điểm bán RAT Lào Cai tại TP. Hà Nội (chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch Big Green, cửa hàng Bác Tôm, cửa hàng rau bản địa Bắc Hà, cửa hàng Sói biển, cửa hàng Phúc Hậu, cửa hàng Linh Mart) và tại TP. Lào Cai (cửa hàng Nông sản sạch và cửa hàng An Tâm).

- Người tiêu dùng rau thường xuyên tại các điểm bán RAT Lào Cai tại thị trường Hà Nội và TP. Lào Cai (số lượng phỏng vấn là 3 người/điểm bán).

2.2. Tổ chức các cuộc họp với các nhóm tác nhân

- Tổ chức 2 cuộc họp với các nhà phân phối rau tại Hà Nội và TP. Lào Cai.

- Tổ chức 2 cuộc họp giữa đại diện các tổ/ nhóm/

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả (FAVRI)

HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại Lào Cai với các nhà phân phối rau Lào Cai tại Hà Nội và TP. Lào Cai.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại 2 địa bàn bao gồm Hà Nội và Lào Cai (tại tỉnh Lào Cai, tập trung vào địa bàn TP. Lào Cai, huyện Sa Pa và Bắc Hà).

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tập trung từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2017. Thực tế quá trình triển khai các hoạt động can thiệp từ tháng 2 năm 2014 đến nay.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng sản xuất và tiêu thụ RAT Lào Cai

3.1.1. Tình hình sản xuất

Được sự hỗ trợ từ năm 2014 đến nay, quá trình sản xuất rau tại tỉnh Lào Cai ngày càng phát triển. Nhiều tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT đã được thành lập tại huyện Sa Pa và Bắc Hà. Có thể kể đến điển hình là 2 tổ nhóm và HTX tại huyện Sa Pa và 4 tổ nhóm, HTX và doanh nghiệp tại huyện Bắc Hà (chi tiết ở bảng 1), trong đó, đã có 4 đơn vị đã có giấy chứng nhận sản xuất và tiêu thụ RAT theo VietGAP.

Bảng 1. Năng lực sản xuất của các tổ/nhóm/HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại các huyện Sa Pa và Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

TT	Chỉ tiêu	Huyện Sa Pa		Huyện Bắc Hà			
		HTX Thành Công	Nhóm nông dân Má Tra	HTX Di Thàng	HTX Na Lang	Công ty TNHH Anh Nguyên	Nhóm nông dân Na Khèo
1	DT canh tác rau (m ²)	180.000	10.900	55.000	55.000	66.600	6.200
2	Năm thành lập và SX rau	2011	2016	2011	2013	2015	2016
3	Số thành viên SX rau	32	8	49	23	-	6
4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện SX RAT	Đã có	Chưa có	Đã có	Đã có	Đã có	Chưa có
5	Chủng loại rau sản xuất chính	Bắp cải, cà chua, quả su su và ngọn su su, cải mè, rau đậu Hà Lan, ngồng su hào.	Bắp cải, xà lách, cải mè, cải ngồng, ngồng su hào, ngồng bắp cải.	Bắp cải, bí xanh, su hào, rau ngót, cải ngọt, đậu trạch, xà lách, cải xòe, khởi tử, rau đậu Hà Lan, quả su su và ngọn su su, cải mè, cải ngồng.	Bắp cải, cải mầm, cà chua, cải xòe, đậu Hà Lan, cải mè, cải ngồng.	Bắp cải cải thảo, cà chua, đậu trạch, cải xanh, cải ngọt, cải chíp, su hào, súp lơ xanh, xà lách, bí ngòi, cải bó xôi, cải mè.	Bắp cải, cải thảo, su hào, súp lơ, cải ngồng, cải mè.
6	Chủng loại rau thể mạnh	Quả su su và ngọn su su, ngồng su hào, bắp cải, cà chua.	Bắp cải, cải mè, ngồng su hào, ngồng bắp cải.	Bắp cải, xà lách, cải xòe, rau đậu Hà Lan, khởi tử, cải mè.	Bắp cải, cà chua, cải mè.	Bắp cải Thúy Phong, cà chua, cải thảo, xà lách, cải xanh, cải ngọt.	Bắp cải, cải thảo, su hào, súp lơ.
7	Khả năng cung cấp (kg/ngày)	1.500 - 2.500	250 - 300	500 - 600	700 - 800	2.500 - 3.000	200 - 250
8	Thời vụ SX	Quanh năm	Quanh năm	Quanh năm	Quanh năm	Quanh năm	Vụ Đông

(Nguồn: FAVRI, 2016)

a) Đối với các tổ, nhóm, HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại huyện Sa Pa

- Tổ chức sản xuất rau quanh năm, tuy nhiên tập trung nhiều vào trái vụ, sản xuất đa dạng các chủng loại rau bao gồm rau phổ thông (bắp cải, su hào...) và rau bản địa (ngồng su hào, ngồng bắp cải, cải mèo, quả su su, ngọn su su). Tổng diện tích đất chuyên rau chiếm tỷ lệ lớn so với tổng diện tích đất nông nghiệp và tập trung vào diện tích đất vườn và đất đồi.

- Kinh nghiệm và kỹ thuật canh tác rau của người sản xuất tại địa bàn còn hạn chế do họ mới chuyển đổi từ trồng ngô, dong riêng sang chuyên rau và họ chủ yếu là người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thu nhập của họ ngày càng được cải thiện từ khi chuyển đổi do thu nhập từ sản xuất rau (120 - 160 triệu đồng/ha/năm) cao hơn thu nhập từ trồng ngô và dong giêng (20 triệu/ha/năm) từ 5 - 8 lần (FAVRI, 2016).

- Tập quán sản xuất cũ của người sản xuất được xóa bỏ và thay vào đó là sản xuất theo nhu cầu của thị trường (thị trường tiêu thụ chủ yếu là TP. Lào Cai). Khả năng cung ứng sản phẩm của các tổ, nhóm và HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại địa bàn cũng tương đối lớn.

- Đa số các tổ, nhóm và HTX sản xuất và tiêu thụ RAT tại địa bàn đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất RAT và sản xuất RAT theo VietGAP. Một số đơn vị sản xuất đã áp dụng các biện pháp can thiệp như đầu tư về hệ thống nhà lưới, sử dụng các loại giống mới và biện pháp tưới phun trong sản xuất.

b) Đối với các tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT tại huyện Bắc Hà

- Sản xuất rau quanh năm, tập trung nhiều vào trái vụ, tuy nhiên hiện sản lượng cung ứng không lớn so với vùng sản xuất tại Sa Pa do chủ yếu là các

sản phẩm rau ăn lá. Bên cạnh đó, do kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất còn hạn chế nên có một vài tổ, nhóm chỉ sản xuất rau vào thời điểm chính vụ (vụ Đông), còn lại vụ Hè - Thu là trồng lúa và ngô.

- Canh tác đa dạng các chủng loại rau bao gồm rau phổ thông (cải bắp, su hào, cà chua) và rau bản địa (rau đậu Hà Lan, cải mèo, khởi tử, cải bó xôi, ngồng bắp cải, cải xòe, cải làn, ngọn su su). Đây là các loại rau thể mạnh trong vùng. Diện tích chuyên rau ngày càng được mở rộng, nâng cao sản lượng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Bên cạnh các tổ, nhóm và HTX sản xuất và tiêu thụ RAT được thành lập ngày càng nhiều, đã có mô hình các doanh nghiệp chuyển đổi sang trồng RAT để cung ứng đến các thị trường lớn.

- Hầu hết các tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất RAT và VietGAP. Mới chỉ có một vài đơn vị sản xuất áp dụng các biện pháp can thiệp như đầu tư về hệ thống nhà lưới và sử dụng các loại giống mới trong quá trình sản xuất.

3.1.2. Tình hình tiêu thụ

Cùng với việc chuyển đổi và mở rộng quy mô sản xuất, các tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT tại 2 địa bàn kể trên đã từng bước tiếp cận và kết nối tiêu thụ sản phẩm với nhiều thị trường khác nhau (thị trường địa phương và thị trường xa như Hà Nội, Hải Phòng và Hà Giang (vụ Đông)).

Với việc mở rộng thị trường tiêu thụ và đa dạng đối tượng khách hàng, sản lượng rau cung ứng của các tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất tại các thị trường ngày càng gia tăng. Đây là kết quả của việc định hướng, chiến lược lựa chọn sản phẩm tốt và kênh tiêu thụ phù hợp, luôn được điều chỉnh theo nhu cầu của thị trường.

Bảng 2. Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ của các tổ, nhóm, HTX và doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ RAT tại huyện Sa Pa và Bắc Hà phân theo thị trường và đối tượng mua hàng

DVT: %

Diễn giải	Chia theo thị trường				Chia theo đối tượng mua hàng			
	Hà Nội	TP. Lào Cai	Địa phương	Khác	Người thu gom	Nhà hàng	Khách du lịch	Khác
A. Tại huyện Sa Pa								
1. HTX Thành Công	5	75	20	-	60	10	30	-
2. Nhóm nông dân Má Tra	-	70	30	-	60	-	40	-
B. Tại huyện Bắc Hà								
3. HTX Dì Thàng	70	20	10	-	70	-	10	20
4. HTX Na Lang	5	35	60	-	40	20	40	-
5. Công ty TNHH Anh Nguyễn	5	60	30	5	10	10	20	60
6. Nhóm nông dân Na Khèo	-	-	60	40	80	-	20	-

